

2.5.2. Cách đo nhiệt độ kinh lạc

Nguyên tắc chung

Nếu đo để chẩn đoán bệnh phải để người bệnh nghỉ ngơi thoải mái 10 phút trước khi đo thì số đo mới thể hiện chính xác tình trạng công năng của tạng phủ. Nếu đo để theo dõi thí nghiệm thì đo ở đối tượng ngay trước và sau khi thí nghiệm, số đo mới thể hiện đúng kết quả của thí nghiệm.

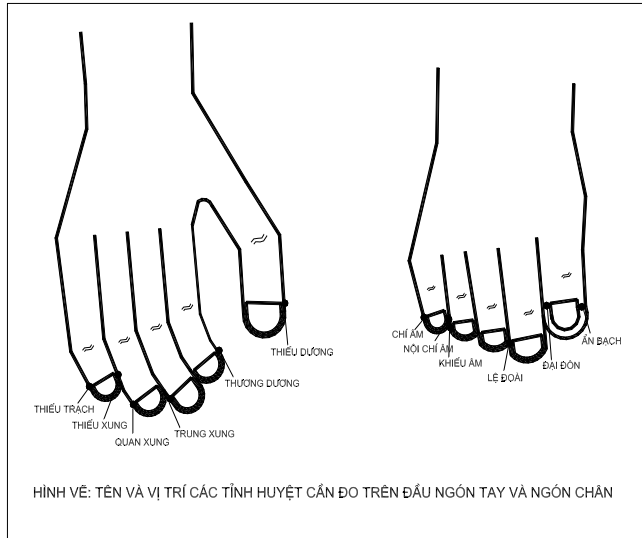
Những huyết cần đo

** Ở tay (chi trên), cả hai tay*

- | | |
|--------------------|----------------|
| - Kinh tiểu trường | : Thiếu trạch |
| - Kinh tâm | : Thiếu xung |
| - Kinh tam tiêu | : Quan xung |
| - Kinh tâm bào | : Trung xung |
| - Kinh đại trường | : Thương dương |
| - Kinh phế | : Thiếu thương |

** Ở chân (chi dưới), cả hai chân*

- | | |
|-------------------|--------------|
| - Kinh bàng quang | : Chí âm |
| - Kinh thận | : Nội chí âm |
| - Kinh đởm | : Khiếu âm |
| - Kinh vị | : Lệ đoài |
| - Kinh can | : Đại đôn |
| - Kinh tỳ | : Ẩn bạch |



Trình tự đo

* *Từ trên xuống dưới*: Tức là đo ở tay trước, đo chân sau.

* *Từ ngoài vào trong*: ở tay thì đo kinh tiểu trường, qua tâm, tam tiêu, tâm bào, đại trường, phế; ở chân thì từ kinh bàng quang, qua thận, đâm, vị, can, tỳ.

* *Từ trái sang phải*: Tức là từng kinh, thì đo huyết bên trái trước huyết bên phải đo sau.

Tư thế tay, chân đối tượng đo

- Khi đo ở tay thì úp nhẹ hai bàn tay xuống trước mặt các ngón xòe ra, hai bàn tay cách nhau 10 cm.

- Khi đo ở chân thì để hai bàn chân cách nhau 10 cm, bàn chân đặt bằng phẳng, thoải mái.

Yêu cầu:

+ Độ đồng đều khi ấn đầu đo vào huyết, không cần mạnh lắm.

+ Để đầu đo tiếp xúc nhiều với mặt da.

+ Hai huyết đầu tiên là thiếu trạch (kinh tiểu trường) và thiếu xung (ở kinh tâm), đo đi đo lại 2-3 lần cho tới khi nhiệt độ của các lần đo ở từng

huyết ổn định mới được chuyển sang đo chính thức (khi đó bắt đầu đo và ghi theo nguyên tắc chung).

+ Những huyết sau thì khi nhiệt độ ổn định là ghi không cần đo đi đo lại nhiều lần.

+ Khi đổi sang đo các huyết bên tay phải thì huyết đầu tiên của tay phải cũng phải đo lâu hơn một chút mới chuyển sang huyết khác.

* Cách ghi số và cách tính

a. Mẫu ghi chép các số đo:

Phiếu đo nhiệt độ kinh lạc

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Tuổi:.....

Địa chỉ:.....Số điện thoại:.....

Thời gian đo:.....Nhiệt độ môi trường:.....

Ngày hành kinh gần nhất (với phụ nữ):.....

Tiền sử bệnh tật:.....

Bảng A: Bảng chỉ số nhiệt kinh lạc của người bệnh

1	3	4	5	6
2				7

Tên kinh

Trái

Phải

8

9

10

11

12

Tiểu trường					
Tâm					
Tam tiêu					
Tâm bào					
Đại trường					
Phế					

1'	3'	4'	5'	6'
2'				7'

Tên kinh

Trái

Phải

8'

9'

10'

11'

12'

Bàng quang					
Thận					
Đảm					
Vị					
Can					
Tỳ					

13

Tiểu kết:.....

Chẩn bệnh:.....

* *Chú thích:* Trong bảng A các con số đánh dấu trong các ô trống hay ở đầu các cột dùng để định vị các ô và cột, để tiện diễn giải ý nghĩa của các

ô và cột đó. Các ô và cột được đánh số không có dấu phẩy ở trên đầu ghi các thông số của chi trên (tay). Các ô và cột được đánh số có dấu phẩy ở trên đầu ghi các thông số của chi dưới (chân). Các ô và cột được đánh số như nhau chỉ khác về dấu phẩy cũng giống nhau về ý nghĩa. Việc sắp xếp các ô và cột như trên nhằm tiện lợi cho việc trực quan để nhận định kết quả.

b. Cách ghi các số đo nhiệt độ kinh lạc:

Thực hiện theo trình tự đo nhiệt độ kinh lạc như đã trình bày ở trên, ghi các kết quả thu được vào các cột có đánh số: 8 (tay trái), 11 (tay phải), 8' (chân trái), 11' (chân phải).

Như vậy, cột 8 và 8' ghi nhiệt độ bên trái của các kinh, cột 11 và 11' ghi nhiệt độ bên phải của các kinh.

c. Cách tính toán các chỉ số nhiệt:

- Ô số 1 và số 1': là ô ghi nhiệt độ cao nhất của chi đo được ở tay (ô 1) và chân (ô 1').
- Ô số 2 và số 2': là ô ghi nhiệt độ thấp nhất của chi đo được ở tay (ô 2) và chân (ô 2').
- Ô số 3 và số 3': là ô ghi hiệu số (chênh lệch) giữa nhiệt độ cao nhất và thấp nhất của từng chi (tay và chân).

Như vậy: $\hat{O}3 = \hat{O}1 - \hat{O}2$; tương tự $\hat{O}3' = \hat{O}1' - \hat{O}2'$.

- Ô số 4 và số 4': là ô ghi nhiệt độ trung bình của chi (tay hoặc chân), được tính bằng cách lấy nhiệt độ cao nhất ở tay (hoặc chân) cộng với nhiệt độ thấp nhất ở tay (hoặc chân) rồi chia cho 2.

$$\text{Như vậy} \quad \hat{O}4 = \frac{\hat{O}1 + \hat{O}2}{2} \quad ; \text{ tương tự} \quad \hat{O}4' = \frac{\hat{O}1' + \hat{O}2'}{2}$$

- Ô số 5 và số 5': là ô ghi sai số giới hạn của chi, được tính như sau:
Lấy hiệu số giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất của tay ($\hat{O}3$) hoặc chân ($\hat{O}3'$) chia cho 6.

$$\text{Như vậy} \quad \hat{O}5 = \frac{\hat{O}3}{6} \quad ; \text{ tương tự} \quad \hat{O}5' = \frac{\hat{O}3'}{6}$$

- Ô số 6 và số 6': là ô ghi mốc nhiệt độ giới hạn nhiệt (trên), được tính như sau: lấy nhiệt độ trung bình của tay ($\hat{O}4$) hoặc chân ($\hat{O}4'$) cộng với sai số giới hạn của tay ($\hat{O}5$) hoặc chân ($\hat{O}5'$).

Như vậy: $\hat{O}6 = \hat{O}4 + \hat{O}5$; tương tự $\hat{O}6' = \hat{O}4' + \hat{O}5'$.

- Ô số 7 và số 7': là ô ghi mốc nhiệt độ giới hạn hàn (dưới), được tính như sau: Lấy nhiệt độ trung bình của tay ($\hat{O}4$) hoặc chân ($\hat{O}4'$) trừ với sai số giới hạn của tay ($\hat{O}5$) hoặc chân ($\hat{O}5'$).

Như vậy: $\hat{O}7 = \hat{O}4 - \hat{O}5$; tương tự $\hat{O}7' = \hat{O}4' - \hat{O}5'$.

- Cột số 9 và cột 9': là cột ghi nhiệt độ trung bình của từng kinh, được tính như sau: Lấy nhiệt độ bên trái (cột 8 hoặc 8') cộng với nhiệt độ bên phải (cột 11 hoặc 11') của từng kinh rồi chia cho 2. Tính lần lượt hết tất cả các kinh ở tay và chân.

Như vậy $\text{Cột } 9 = \frac{\text{Cột } 8 + \text{Cột } 11}{2}$; tương tự $\text{Cột } 9' = \frac{\text{Cột } 8' + \text{Cột } 11'}{2}$

- Cột số 10 và cột 10': là cột ghi số tương quan, là hiệu số giữa nhiệt độ trung bình của từng kinh trừ đi nhiệt độ trung bình của chi (tay hoặc chân) các kinh tương ứng. Hiệu số này phải thể hiện cả giá trị âm, dương (-,+) của chúng.

Như vậy $\text{Cột } 10 = \text{Cột } 9 - \hat{O}4$; tương tự $\text{Cột } 10' = \text{Cột } 9' - \hat{O}4'$.

- Cột số 12 và cột 12': là cột ghi số chênh lệch (độ dao động) nhiệt độ giữa hai bên trái phải của từng kinh. Bên có nhiệt độ cao trừ đi bên có nhiệt độ thấp hơn của từng kinh.

- Như vậy: $\text{Cột } 12 = \text{Cột } 18 - \text{Cột } 11$, hoặc $\text{Cột } 11 - \text{Cột } 8$.

Tương tự $\text{Cột } 12' = \text{Cột } 18' - \text{Cột } 11'$, hoặc $\text{Cột } 11' - \text{Cột } 8'$.

- Ô số 13: là ô ghi hiệu số của nhiệt độ trung bình chi trên trừ nhiệt độ trung bình chi dưới. Hiệu số này phải thể hiện cả giá trị âm, dương (-,+) của chúng.

Như vậy: $\hat{O}13 = \hat{O}4 - \hat{O}4'$.

d. Phân định hàn, nhiệt, biểu, lý và bệnh lý, sinh lý của từng kinh theo chỉ số nhiệt kinh lạc.

* Nguyên lý chung xem xét các chỉ số nhiệt kinh lạc.

Số đo nhiệt độ ở tĩnh huyết đầu kinh khác nhau là biểu thị mức độ hoạt động công năng tạng phủ khác nhau.

Hoạt động của tạng phủ được thông qua kinh lạc mà biểu thị ra ngoài, nhiệt độ tĩnh huyết vừa là biểu hiện công năng tạng phủ lại vừa biểu hiện tình trạng thông khí ở kinh lạc.

Khi xem xét số liệu(các chỉ số nhiệt kinh lạc) phải nắm vững nguyên lý quan điểm biện chứng “âm dương là hai mặt đối lập trong một thể thống nhất” và luận điểm “nhân thân tiểu thiên địa”.

Những nguyên lý trên là cơ sở của cách xem xét các chỉ số nhiệt. Việc xem xét các chỉ số nhằm xác định và đánh giá tính chất và mức độ bệnh lý hay sinh lý của từng kinh. Tính chất bệnh lý của từng kinh được xác định dựa vào tính chất hàn hay nhiệt, biểu hay lý của từng kinh. Cách đánh giá xác định tính chất hàn, nhiệt, biểu, lý được trình bày dưới đây.

* Tiêu chuẩn đánh giá xác định hàn hay nhiệt, biểu hay lý cho từng kinh.

Ở mỗi kinh thì hai huyết ở hai bên có thể có nhiệt độ khác nhau nhiều hay ít tùy theo tình trạng thông khí khác nhau ở kinh lạc. Các kinh lại có sự khác nhau về nhiệt độ là do khí công năng của tạng phủ có hoạt động khác nhau nên nhiệt cũng khác nhau, vì vậy mức độ được coi là hàn hay nhiệt là do sự so sánh của một con người cụ thể, trong con người lại chia ra hai chi (tay, chân) để so sánh trong nội bộ từng chi, là do tổ chức cơ thể, hai chi xa gần trung tâm tạng phủ khác nhau. Tuy phân ra khác nhau nhưng nguyên tắc so sánh chúng cũng là nội bộ các kinh trong cùng một chi.

- Tiêu chuẩn để phân định hàn, nhiệt

Được dựa vào nguyên tắc chia ba, nghĩa là nhiệt độ của kinh (trái hoặc phải) được xem là nhiệt khi nằm trong khoảng 1/3 phía trên của khoảng

chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất của chi (tức nằm trong khoảng từ mốc nhiệt độ giới hạn nhiệt đến nhiệt độ cao nhất của chi); được xem là hàn khi nằm trong khoảng 1/3 phía dưới của khoảng chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất của chi (tức nằm trong khoảng từ nhiệt độ thấp nhất đến mốc nhiệt độ giới hạn hàn); được xem là biến đổi sinh lý cho phép khi nằm trong khoảng 1/3 ở giữa của khoảng chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất của chi (tức nằm trong khoảng từ mốc nhiệt độ giới hạn hàn đến mốc nhiệt độ giới hạn nhiệt).

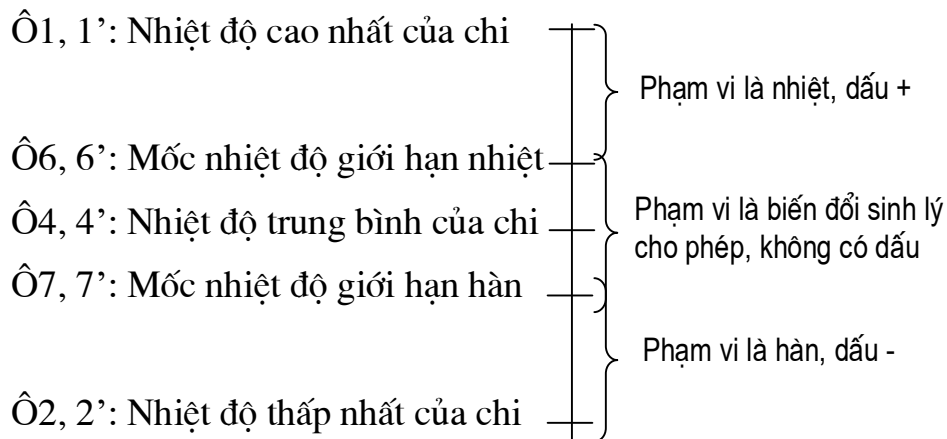
Để tiện cho việc trực quan, nhiệt độ nào của các kinh (trái hoặc phải) là nhiệt được đánh dấu “+” ngay trước nhiệt độ đó; là hàn được đánh dấu “-” ngay trước nhiệt độ đó; là biến đổi sinh lý cho phép thì không đánh dấu.

Như vậy: $\hat{O}6, 6' < \text{cột } 8, 8'; 11, 11' < \hat{O}1; 1'$ là nhiệt, dấu +.

$\hat{O}7, 7' \leq \text{cột } 8, 8'; 11, 11' \leq \hat{O}6, 6'$ là biến đổi sinh học cho phép không có dấu.

$\hat{O}2, 2' \leq \text{cột } 8, 8'; 11, 11' < \hat{O}7, 7'$ là hàn, dấu -.

Biểu đồ minh hoạ như sau:



- Tiêu chuẩn phân định biểu, lý

Sau khi đã phân định hàn (đánh dấu -), nhiệt (đánh dấu +) hay là biến đổi sinh lý cho phép (không đánh dấu) cho các chỉ số nhiệt độ bên trái và bên phải của các kinh, dựa vào đó ta phân định biểu, lý cho kinh đó.

+ Được xác định là lý khi nhiệt độ bên trái và phải của kính đều có mang dấu và phải cùng dấu (đều là hàn hoặc nhiệt); tương ứng theo đó là lý hàn (cùng mang dấu – là hàn) hay lý nhiệt (cùng mang dấu + là nhiệt).

Trong trường hợp này, số tương quan (cột 10, 10') của kính luôn mang dấu trùng với dấu của nhiệt bên trái và phải của kính (để thể hiện hàn hay nhiệt), giá trị tuyệt đối của số tương quan (trị số không có dấu) luôn lớn hơn sai số giới hạn ($\pm 5, 5'$)

+ Được xác định là biểu khi chỉ có một trong hai bên nhiệt độ bên trái hoặc phải của kính mang dấu (+ hoặc – và bên còn lại không mang dấu) hoặc cả hai bên nhiệt độ bên trái và phải đều mang dấu nhưng phải khác dấu (một bên dấu + và một bên dấu -). Và để xác định là biểu hàn hay biểu nhiệt ta căn cứ như sau:

Trường hợp chỉ có một trong hai bên nhiệt độ bên trái hoặc phải mang dấu, dựa vào dấu này ta xác định biểu hàn (dấu -) hay biểu nhiệt (dấu +). Cũng cần phân biệt rõ, biểu đó thuộc bên có nhiệt độ mang dấu. Số tương quan trong trường hợp này luôn khác 0 và có dấu trùng với dấu của nhiệt độ có mang dấu.

Trường hợp cả hai bên nhiệt độ bên trái và phải của kính đều mang dấu nhưng khác dấu, ta dựa vào dấu của số tương quan để xác định biểu hàn (dấu -) hay biểu nhiệt (dấu +). Biểu này thuộc về bên nào có nhiệt độ mang dấu trùng với dấu của số tương quan.

Nếu số tương quan $=0$, trong trường hợp này kính có đồng thời biểu hàn (thuộc bên có nhiệt độ mang dấu -) và biểu nhiệt (thuộc bên có nhiệt độ mang dấu +)

+ Các kính còn lại có nhiệt độ bên trái và phải không mang dấu là các kính chỉ có biến đổi sinh lý cho phép. Số tương quan trong trường hợp này có thể $=0$ hoặc $\neq 0$ và có mang dấu (+ hoặc -).

e. Phân định, đánh giá bệnh lý hay sinh lý cho từng kính.

- Các kinh đã được xác định là lý (nhiệt hay hàn) đương nhiên là các kinh có bệnh lý cho phép và cần phải xử trí.

Trong trường hợp này, giá trị tuyệt đối của số tương quan thể hiện mức độ nặng nhẹ của bệnh lý (giá trị tuyệt đối càng lớn bệnh lý càng nặng hay bệnh lý chính), và dấu của số tương quan thể hiện bệnh lý thuộc hàn (dấu -) hay nhiệt (dấu +).

- Các kinh đã được xác định là biểu (hàn hay nhiệt)

Để xác định xem mức độ biểu đã đến mức là bệnh lý hay chưa, ta dựa vào số tương quan của kinh đó. Được xem là bệnh lý khi giá trị tuyệt đối của số tương quan từ gần bằng cho đến lớn hơn sai số giới hạn. Dấu của số tương quan trong trường hợp này, cũng thể hiện bệnh lý đó thuộc hàn hay nhiệt. Khi biểu đã đến mức độ bệnh lý nặng (giá trị tuyệt đối của số tương quan lớn hơn sai số giới hạn khá nhiều) được gọi là “cận lý nhiệt (hay hàn)” hoặc “cận nhiệt (hay hàn)”. Trong trường hợp giá trị tuyệt đối của số tương quan nhỏ hơn sai số giới hạn hoặc $=0$ nhưng có nhiệt độ bên trái và phải trái dấu nhau (dấu + và dấu -, khi đó ta thấy độ dao động nhiệt độ của kinh ở cột 12 và 12' luôn lớn hơn 2 lần sai số giới hạn) thì cũng được xem là bệnh lý. Kinh có biểu đạt mức bệnh lý cần chú ý theo dõi biến đổi, hoặc nếu cần phải xử trí vào đường kinh đó ở bên có biểu.

Các kinh có biểu nhưng chưa đạt đến mức bệnh lý, được xem là biến đổi sinh lý trong phạm vi cho phép.

- Các kinh không thuộc biểu và lý

Đây là các kinh có nhiệt độ bên trái và phải đều không thuộc hàn hay nhiệt (đều không mang dấu). Các kinh này đều không có bệnh lý, biến đổi nhiệt của kinh nằm trong phạm vi biến đổi sinh lý cho phép. Số tương quan của các kinh này có giá trị tuyệt đối luôn nhỏ hơn sai số giới hạn hoặc $=0$ và dấu của số tương quan thể hiện biến đổi sinh lý của kinh mang tính hàn hay nhiệt.

Như vậy chỉ số “số tương quan” là một chỉ số quan trọng, dựa vào đó để phân định, đã là bệnh lý hay còn ở mức sinh lý, cho biết sự biến đổi của từng kinh và bệnh lý hay sinh lý đó thuộc hàn hay nhiệt. Số tương quan sẽ còn được dùng trong việc theo dõi chuyển biến mức độ bệnh lý hay sinh lý trên các kinh của từng người và lập bảng mô hình chỉ số nhiệt kinh lạc cho từng bệnh chứng.